

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2024/DS-PT
Ngày: 23/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;
Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 23/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2023/QĐ-PT ngày 25/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L. Địa chỉ: Số 409, đường L, Khóm 5, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Hoài N, chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc; Địa chỉ: Số 930/206, đường Q, Khóm 7, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Hoài N: Bà Phạm Thị Sương T, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Số 5/10, đường P, Khóm 3, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Đinh Văn L, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Số 178, đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đinh Văn L: Bà Huỳnh Thị Diệu O - luật sư của Văn phòng luật sư H; Địa chỉ Văn phòng: Số 939, đường T, Khóm 1, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Trọng K, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Số 407, đường L, Khóm 5, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 2003; Địa chỉ cư trú: Số 930/206, đường V, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Đinh Văn L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 20/10/2020, ông Đinh Văn L có mua và yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn L bán và lắp đặt cho ông L một số cửa phòng, tủ bếp, tủ rượu bằng gỗ tại nhà số 178, đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Cụ thể như sau:

Cửa phòng chạm + Khung bao 05 bộ x 15.000.000 đồng/bộ = 75.000.000 đồng;

Tủ bếp treo 4,17m x 4.500.000 đồng/m = 18.765.000 đồng;

Tủ bếp dưới 5,28m x 5.000.000 đồng = 26.400.000 đồng;

Tủ rượu 180m x 250m x 60m = 17.000.000 đồng.

Tổng cộng là 137.165.000 đồng.

Việc lắp đặt tủ và cửa cho ông L là do Công ty trách nhiệm hữu hạn L cử nhân viên công ty xuống lắp đặt, không phải ông K. Ông K chỉ đứng ra giới thiệu ông L là khách hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Sau khi lắp đặt xong, ông L không thanh toán tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Đối với việc mua bán Gem giữa ông L và ông K thì Công ty trách nhiệm hữu hạn L không liên quan gì.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn L yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Đinh Văn L trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L số tiền 137.165.000 đồng và yêu cầu trả lãi với lãi suất 10%/năm từ ngày 11/3/2022 cho đến khi trả hết số nợ.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đinh Văn L trình bày như sau:

Vào giữa năm 2020, ông L có có xây dựng lại căn nhà mới thay thế cho căn nhà cũ. Lúc tiến hành xây dựng ông L có liên hệ với ông Trần Trọng K (lúc đó ông K là Chi cục trưởng Chi cục kiểm lâm) để làm hệ thống cửa phòng ngủ

bằng gỗ cấm xe và thỏa thuận làm cửa phòng 05 cái x 15.000.000 đồng = 75.000.000 đồng, được giảm thêm 10% so với người khác.

Sau một thời gian, ông L có làm thêm phần tủ bếp và thống nhất giá với ông K như sau: Tủ bếp dưới 3.800.000 đồng/m dài, tủ bếp trên giá 4.000.000 đồng/m dài (đã giảm giá).

Tháng 8/2020, ông K đề nghị ông L tham gia APP Aladinz để khi hoàn thành công việc sẽ thanh toán cho ông K bằng giá trị Gem trên APP và được hoàn lại vốn lên tới 80%. 01 Gem = 1 USD Mỹ = giá trị tiền Việt Nam theo tỉ giá USD. Sau đó, ông K cài đặt APP cho ông L và ông L có nộp tiền vào tài khoản cho ông K gần 150.000.000 đồng (số tiền bằng 6.000 USD thời điểm đó = 6.000 Gem) và ông K chuyển Gem qua cho ông L. Ông L thấy trả bằng Gem như vậy là có lợi nên tiếp tục đề nghị ông K làm thêm cái tủ rượu, không có thỏa thuận giá trước. Sau này ông K báo giá là 17.000.000 đồng thì ông L cũng đồng ý.

Như vậy, số tiền mà ông L và ông K đồng ý thỏa thuận ban đầu với nhau cụ thể như sau:

Cửa phòng 05 cái x 13.500.000 đồng = 67.500.500 đồng;

Tủ bếp dưới 5,28 m x 3.800.000 đồng = 15.960.000 đồng;

Tủ bếp trên: 4,17m x 4.000.000 đồng = 21.200.000 đồng;

Tủ rượu 180m x 250m x 60m = 17.000.000 đồng.

Tổng số tiền là 121.660.000 đồng (khoảng 5.000 Gem).

Được quy ra Gem để thanh toán, 1 Gem = 1 USD và được hoàn trả 80% Gem.

Việc lắp đặt tủ, cửa ông L chỉ làm việc trao đổi và mua bán với ông K, không liên quan gì đến Công ty trách nhiệm hữu hạn L nên ông L không đồng ý trả tiền theo như yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Trọng K trình bày như sau:

Ông Trần Trọng K và ông Đinh Văn L là chỗ bạn bè quen biết. Vào khoảng tháng 10/2020, ông L có nhu cầu mua và lắp ráp cửa phòng, tủ rượu, tủ bếp nên ông K có giới thiệu cho ông L đến Công ty trách nhiệm hữu hạn L để mua (ông K là anh ruột của bà Trần Thị L – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn L). Sau đó, ông L đã đặt Công ty trách nhiệm hữu hạn L sản xuất và lắp đặt các hàng hoá nêu trên.

Việc ông L cho rằng chỉ giao dịch mua bán với ông K là không đúng sự thật vì thời điểm tháng 10/2020 cho đến nay ông K là công chức nhà nước nên không có thời gian và kỹ thuật để sản xuất, lắp đặt theo yêu cầu của ông L được. Do ông K quen biết cả hai bên nên chỉ giới thiệu cho họ tự giao dịch với nhau chứ ông K không liên quan gì đến việc mua bán hàng hoá giữa hai bên.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết

theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xir: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn L đối với bị đơn ông Đinh Văn L.

Buộc bị đơn ông Đinh Văn L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L tổng số tiền 155.682.275 đồng, trong đó tiền gốc là 137.165.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 11/3/2022 đến ngày xét xir sơ thẩm là 18.517.275 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Đến ngày 28/7/2023, ông Đinh Văn L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Bị đơn Đinh Văn L giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xir và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xir phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Thực tế giữa bị đơn và nguyên đơn không có ký kết hợp đồng mua bán tài sản, nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán cũng như thỏa thuận giá hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn, không chứng minh được các đồ gỗ lắp đặt tại nhà ông L là sản phẩm của Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Lời trình bày của ông Trần Trọng K là

không có cơ sở vì ông L có cung cấp cho Tòa án nội dung tin nhắn zalo thể hiện rõ thực tế giữa ông L và ông K có giao dịch với nhau về việc lắp đặt đồ gỗ, hơn nữa ông K là anh của bà Trần Thị L nên lời khai của ông K là không khách quan, do đó Tòa án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông K là chưa vững chắc. Đồng thời, Công ty trách nhiệm hữu hạn L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện theo yêu cầu của Tòa án cấp phúc thẩm. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn không chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có căn cứ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xem xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Trọng K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo do bị đơn Đinh Văn L lập và nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm cùng ngày 28/7/2023 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của ông L theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Đinh Văn L, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Đinh Văn L xác định vào khoảng giữa năm 2020, ông L xây nhà mới nên có lắp đặt đồ dùng nội thất trong nhà gồm: 05 bộ cửa phòng, tủ bếp trên, tủ bếp dưới, tủ rượu bằng gỗ và đã lắp đặt xong. Tuy nhiên, ông L cho rằng việc thỏa thuận mua bán các mặt hàng trên là do ông L trực tiếp thỏa thuận với ông Trần Trọng K và thỏa thuận thanh toán bằng tiền kỹ thuật số chứ không có giao dịch mua bán hàng hóa với nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn L nên ông L không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời ông L cho rằng, ông L chưa thanh toán tiền mua các hàng hóa nêu trên cho ông K nhưng theo yêu cầu của ông K thì vào ngày 11/8/2020, ông L có chuyển khoản số tiền 147.000.000đ vào tài khoản của bà Trần Thị L (người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L trước đây), số tiền này đã chuyển thành tiền Gem nạp vào App và hiện nay ông L đang quản lý tài khoản App này.

[3.2] Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận mua bán giữa

ông L và ông K mà cho rằng chỉ giao dịch với nhau bằng lời nói. Đồng thời, ông L cũng thừa nhận đã thực hiện việc lắp đặt xong 05 bộ cửa phòng, tủ bếp trên, tủ bếp dưới và tủ rượu bằng gỗ tại nhà của ông. Lời thừa nhận của ông L là phù hợp với lời trình bày của phía nguyên đơn cũng như lời khai của người làm chứng Nguyễn Quốc H (nhân viên thực hiện việc lắp đặt các mặt hàng đồ gỗ tại nhà ông L). Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn L và ông L tuy không có thực hiện việc ký kết hợp đồng mua bán cũng như ký các biên bản nghiệm thu khi hoàn công nhưng thực tế Công ty trách nhiệm hữu hạn L có thực hiện việc lắp đặt và đã lắp đặt xong 05 bộ cửa phòng, tủ bếp trên, tủ bếp dưới và tủ rượu bằng gỗ tại nhà của ông L, hiện tại ông L vẫn đang sử dụng những hàng hóa này và chưa thanh toán tiền cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L.

[3.3] Xét về giá trị của 05 bộ cửa phòng, tủ bếp trên, tủ bếp dưới và tủ rượu bằng gỗ: Về giá 05 bộ cửa phòng nguyên đơn cho rằng giá mỗi cửa là 15.000.000 đồng x 05 = 75.000.000 đồng, ông L cũng thống nhất giá trị mỗi cửa là 15.000.000 đồng nhưng cho rằng được giảm 10%. Đối với giá tủ bếp theo nguyên đơn xác định: Tủ bếp treo 4,17m x 4.500.000 đồng/m = 18.765.000 đồng; Tủ bếp dưới 5,28m x 5.000.000 đồng = 26.400.000 đồng nhưng bị đơn cho rằng tủ bếp trên có giá 4.000.000 đồng/m dài, tủ bếp dưới có giá 3.800.000 đồng/m dài vì bị đơn được giảm 10%. Tuy nhiên, ông L không cung cấp chứng cứ chứng minh được giảm 10% như lời trình bày của ông L nên lời trình bày của ông L không có cơ sở để xem xét. Đối với giá trị tủ rượu các bên đều thống nhất là 17.000.000 đồng nên ghi nhận.

[3.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Đinh Văn L phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L số tiền 137.165.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả: Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ ngày ông L nhận lắp đặt xong 05 bộ cửa phòng, tủ bếp trên, tủ bếp dưới và tủ rượu đến nay vẫn chưa thanh toán tiền mua hàng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi suất 10%/năm từ ngày xuất hóa đơn là ngày 11/3/2022 đến khi xét xử sơ thẩm với số tiền 18.517.275 đồng là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Đối với số tiền 147.000.000đ do ông L chuyển vào tài khoản của bà Trần Thị L, số tiền này đã chuyển thành tiền Gem nạp vào App và hiện nay ông L đang quản lý tài khoản App này, đây là giao dịch khác giữa ông L, ông K và bà L, không liên quan đến giao dịch mua bán tài sản trong vụ kiện này do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, không chấp nhận đề nghị của người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần bản án sơ thẩm mà bị đơn Đinh Văn L kháng cáo nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định được tuyên lại như sau:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn L. Buộc bị đơn ông Đinh Văn L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn L tổng số tiền 155.682.275 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: tiền gốc là 137.165.000 đồng, tiền lãi là 18.517.275 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đinh Văn L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.784.113 đồng (bảy triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm mười ba đồng).

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005601 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Đinh Văn L chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010268 ngày 02/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thành Hữu